ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 355/BC-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày 04 tháng 10 năm 2021*

BÁO CÁO
Tổng kết tình hình thực hiện Đề án phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2011 - 2020

Thực hiện Nghị quyết số 8h/2010/NQCĐ-HĐND ngày 02/6/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về phát triển dạy nghề tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 19/7/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Phát triển dạy nghề tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2011 – 2020, UBND tỉnh tổng kết 10 năm thực hiện Đề án Phát triển dạy nghề tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2011 – 2020, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Công tác chỉ đạo, điều hành: UBND tỉnh đã ban hành các văn bản thể chế hóa các chính sách pháp luật của nhà nước; xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, các chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, hỗ trợ đào tạo ngắn hạn cho các đối tượng là người khuyết tật, thuộc hộ nghèo, hộ gia đình bị thu hồi đất sản xuất, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ, lao động thuộc các gia đình bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường … để tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển dạy nghề giai đoạn 2011 - 2021; *(Phục lục số 01 đính kèm)*

2. Công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về dạy nghề

a) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các nội dung đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo trong lĩnh vực GDNN như: chương trình, phương pháp dạy và học; kiểm định chất lượng cơ sở GDNN; hình thức và phương pháp tuyển sinh, thi, kiểm tra và đánh giá kết quả GDNN; rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở GDNN; phân luồng và định hướng GDNN ở giáo dục phổ thông; nghiên cứu và ứng dụng khoa học; xã hội hóa GDNN; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và hoạt động GDNN; đào tạo gắn kết với doanh nghiệp, nhu cầu xã hội, gắn với giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, đảm bảo an sinh xã hội.

b) Tổ chức thành công Ngày hội Tuyển sinh học nghề, Tuyển dụng lao động và tiến hành xuất bản Bản tin Giáo dục nghề nghiệp và Thị trường lao động. Các hoạt động này đã góp phần đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về học nghề, giải quyết việc làm sau học nghề, thu hút các doanh nghiệp trên địa bàn tham gia vào hoạt động GDNN, tuyển dụng lao động.

3. Công tác quy hoạch phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Số lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn:

- Giai đoạn 2011 – 2015, toàn tỉnh có 29 cơ sở hoạt động dạy nghề; trong đó, có 7 trường cao đẳng, 5 trường trung cấp, 6 trung tâm dạy nghề cấp huyện (thị xã, thành phố) và 11 cơ sở có đăng ký hoạt động dạy nghề.

- Đến thời điểm hiện nay, toàn tỉnh có 36 cơ sở đào tạo nghề nghiệp; trong đó, có 09 trường cao đẳng, 04 trường trung cấp, 03 Trung tâm GDNN, 09 trung tâm GDNN – GDTX cấp huyện và 11 cơ sở có đăng ký hoạt động GDNN.

(Phụ lục số 02 đính kèm)

b) Công tác quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

- Từ năm 2016 đến năm 2018, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan và UBND thành phố Huế, các thị xã và các huyện rà soát, kiện toàn, nâng cao năng lực cho hệ thống cơ sở GDNN; đã thực hiện sáp nhập các Trung tâm dạy nghề, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp và Trung tâm giáo dục thường xuyên tại 09 huyện, thành phố, thị xã, thành 09 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện trực thuộc UBND cấp huyện.

- Thực hiện sáp nhập Trường Trung cấp nghề Quảng Điền vào Trường Cao đẳng nghề Thừa Thiên Huế.

- UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Đề án rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập giai đoạn 2018-2025.

4. Công tác tuyển sinh

Trong giai đoạn 2011 – 2020, các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh đã tuyển sinh 155.355 người, trong đó có: 20.333 sinh viên cao đẳng, 18.459 học sinh trung cấp và 116.563 học viên sơ cấp và dưới 3 tháng, cụ thể:

a) Giai đoạn 2011 – 2015 tuyển sinh 81.239 người (đạt tỷ lệ 65.19%); trong đó, có: 7.634 sinh viên cao đẳng (đạt tỷ lệ 55.68%), 10.016 học sinh trung cấp (đạt tỷ lệ 41.22%) và 63.589 học viên sơ cấp và dưới 3 tháng (đạt tỷ lệ 73.42%). Cuối năm 2015 đạt 56.2% lao động qua đào tạo nghề;

b) Giai đoạn 2016 – 2020 tuyển sinh 74.116 người (đạt tỷ lệ 91.84%); trong đó, có: 12.699 sinh viên cao đẳng (đạt tỷ lệ 92.02%), 8.443 học sinh trung cấp (đạt tỷ lệ 27.32%) và 52.974 học viên sơ cấp và dưới 3 tháng (đạt tỷ lệ 147.15%). Cuối năm 2020 đạt tỷ lệ 65.45% lao động qua đào tạo.

(Phụ lục số 03 đính kèm)

5. Công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên

a) Số lượng:

- Giáo viên: Toàn tỉnh có 1.322 nhà giáo trong các cơ sở GDNN, trong đó:

+ Có 23 nhà giáo trình độ tiến sỹ (chiếm tỷ lệ 1,82%), trong đó cơ sở GDNN trung ương có 20 nhà giáo;

+ Có 399 nhà giáo trình độ thạc sỹ (chiếm tỷ lệ 30,2%), trong đó cơ sở GDNN trung ương có 191 nhà giáo;

+ Có 696 nhà giáo trình độ đại học (chiếm tỷ lệ 52,65%), trong đó cơ sở GDNN trung ương có 117 nhà giáo.

+ Có 19 nhà giáo trình độ cao đẳng (chiếm tỷ lệ 1,4%) và 51 nhà giáo trình độ khác (chiếm tỷ lệ 3,86%).

- Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp:

Theo thống kê, có 383 cán bộ quản lý tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh, trong đó, 20 cán bộ có trình độ tiến sỹ (chiếm tỷ lệ 5,22%); 158 cán bộ có trình độ thạc sỹ (chiếm tỷ lệ 41,3%); 182 cán bộ có trình độ đại học (chiếm tỷ lệ 47,5%) và 23 cán bộ trình độ khác (chiếm tỷ lệ 9,4%).

(Phụ lục số 04, 05 đính kèm)

b) Chất lượng:

- Hầu hết nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN đều có phẩm chất, đạo đức tốt, tận tụy với sự nghiệp đào tạo, GDNN. Phần lớn nhà giáo GDNN có sự hiểu biết và thực hiện rất tốt các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.

- Công tác bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho nhà giáo GDNN đã được các cấp quản lý và cơ sở GDNN hết sức quan tâm. Vì thế, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý từng bước được chuẩn hóa, nhất là kỹ năng tay nghề; tình trạng bất hợp lý về cơ cấu ngành nghề, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ dần được khắc phục.

6. Ngành nghề đào tạo

a) Nghề đào tạo:

Đến cuối năm 2020 đã có trên 200 nghề được đào tạo tại các cơ sở GDNN trên địa bàn, gồm các nhóm nghề chủ yếu sau:

- Nhóm nghề kỹ thuật, công nghiệp; xây dựng, giao thông;
- Nhóm nghề may - thiết kế thời trang;
- Nhóm nghề công nghệ thông tin;
- Nhóm nghề du lịch, dịch vụ; văn hóa nghệ thuật;
- Nhóm nghề kinh tế, tài chính, khoa học xã hội, văn hóa nghệ thuật:
- Nhóm nghề y tế, chăm sóc sức khỏe;
- Nhóm nghề nông nghiệp; thủ công mỹ nghệ;
- Nhóm nghề thể dục thể thao.

b) Các ngành nghề trọng điểm:

- Thực hiện Quyết định số 1836/QĐ-LĐTBXH ngày 27/11/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025, đến nay, tỉnh Thừa Thiên Huế có 5 trường thuộc địa phương được phê duyệt các nghề trọng điểm trình độ quốc tế, trình độ Asean và trình độ quốc gia, như sau:

+ Trường cao đẳng: 03 đơn vị; số lượt ngành, nghề trọng điểm được lựa chọn 10 ngành, nghề (04 cấp độ quốc tế; 04 cấp độ khu vực ASEAN; 02 cấp độ quốc gia).

+ Trường trung cấp: 02 đơn vị; số lượt ngành, nghề trọng điểm được lựa chọn 04 ngành, nghề (cấp độ quốc gia).

- Ngày 25/11/2019, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025, tỉnh Thừa Thiên Huế có 04 đơn vị thuộc địa phương được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm, gồm:

+ Trường cao đẳng: 03 đơn vị; số ngành, nghề trọng điểm được lựa chọn là 11 ngành, nghề (05 cấp độ quốc tế; 04 cấp độ khu vực ASEAN và 02 cấp độ quốc gia).

+ Trường trung cấp: 01 đơn vị (do Trường Trung cấp nghề Quảng Điền đã sáp nhập và trở thành cơ sở 2 của Trường Cao đẳng nghề Thừa Thiên Huế); số lượt ngành, nghề trọng điểm được lựa chọn 03 ngành, nghề (cấp độ quốc gia).

(Phụ lục số 06 đính kèm)

7. Phát triển chương trình, giáo trình

a) Các cơ sở GDNN bước đầu đã chuyển sang đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ, mô đun kết hợp với đào tạo theo niên chế; tăng thời gian tự rèn luyện tay nghề và làm việc theo nhóm của học sinh, sinh viên.

b) Các cơ sở GDNN đã đẩy mạnh áp dụng chương trình đào tạo gắn kết với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động, chú trọng tạo việc làm cho học sinh sau tốt nghiệp. Nhờ đó, tỷ lệ học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ngay đạt ở mức tương đối cao khoảng 80% đối với trình độ cao đẳng, trung cấp; khoảng 85% - 90% đối với trình độ sơ cấp và chương trình đào tạo dưới 3 tháng.

c) Các doanh nghiệp đã bước đầu tham gia vào công tác kiểm tra, thi đánh giá như xây dựng ngân hàng đề thi, tham gia hội đồng chấm thi.

8. Cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo

a) Hàng năm, tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan tham mưu để phân bổ các nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia việc làm và dạy nghề, Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững để đầu tư cho các cơ sở GDNN; hướng dẫn các cơ sở GDNN lập dự toán chi thực hiện các hoạt động theo từng nội dung, nhiệm vụ, hoạt động.

b) Thường xuyên đánh giá năng lực đào tạo, khả năng tuyển sinh của các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh và tình hình sử dụng cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị đã được đầu tư, từ đó, làm cơ sở để điều chuyển thiết bị đào tạo đối với các đơn vị chưa sử dụng, khai thác hết hiệu quả, công năng của các thiết bị đã được đầu tư.

c) Tình hình cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo tại các cơ sở GDNN

- Các trường cao đẳng, trung cấp: Tổng diện tích đất sử dụng của các cơ sở trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh là 412.604 m^2; diện tích xây dựng là 122.978 m^2.

- Các trung tâm GDNN – GDTX: Tổng diện tích đất sử dụng của các trung tâm GDNN - GDTX trên địa bàn tỉnh là 174.598 m^2; diện tích trụ sở chính là 94.474 m^2.

- Các Trung tâm hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Tổng diện tích đất sử dụng là 39.801,26m^2.

(Phụ lục số 07 đính kèm)

9. Hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp

a) Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, đã chỉ đạo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức các hội nghị tập huấn về công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN để các cơ sở này có điều kiện tìm hiểu, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm từ các đơn vị khác nhằm thực hiện tốt hơn công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN.

b) Các cơ sở GDNN đã thực hiện nghiêm túc các nội dung tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN 01 năm/1 lần nhằm đánh giá tổng thể thực trạng hoạt động của các cơ sở GDNN. Từ đó, làm cơ sở cho việc công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng GDNN, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở GDNN trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với mục tiêu và sứ mạng của đơn vị.

10. Gắn kết đào tạo nghề với thị trường lao động và doanh nghiệp

a) Việc gắn kết giữa đào tạo nghề với thị trường lao động, doanh nghiệp ngày càng được đẩy mạnh thông qua các hoạt động: Các cơ sở GDNN cung cấp thông tin về người tham gia học nghề và kết quả đào tạo sau khi tốt nghiệp cho doanh nghiệp nhằm xây dựng chương trình hợp tác giữa cơ sở GDNN với doanh nghiệp; phân công nhân sự cụ thể phụ trách, theo dõi, gắn kết GDNN với doanh nghiệp, thị trường lao động, đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp; chủ động tiếp cận, truyền thông và thiết lập thông tin về hợp tác với các doanh nghiệp trong GDNN, về năng lực đào tạo và cung ứng nhân lực; đa dạng hóa các hình thức hợp tác.

b) Tăng cường đẩy mạnh việc gắn kết giữa cơ sở GDNN, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong tổ chức đào tạo và tuyển dụng lao động hàng năm gắn với giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, đảm bảo an sinh xã hội; thường xuyên tổ chức các hội thảo chuyện đề về kết nối sự hợp tác giữa cơ sở GDNN và doanh nghiệp trong lĩnh vực GDNN nhằm đẩy mạnh việc gắn kết giữa cơ sở GDNN, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong tổ chức đào tạo và tuyển dụng lao động.

11. Kinh phí

Tổng kinh phí đầu tư phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2011-2020 đạt 185.945 triệu đồng, cụ thể:

a) Phân theo nguồn kinh phí:

- Ngân sách hỗ trợ từ Trung ương (Dự án đổi mới và phát triển dạy nghề và Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm – dạy nghề giai đoạn 2011-2015) là 153.745 triệu đồng, trong đó:

+ Dự án Đổi mới và Phát triển dạy nghề: 64.280 triệu đồng.

+ Dự án Phát triển dạy nghề và Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn): 89.465 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 32.200 triệu đồng.

b) Phân theo giai đoạn đầu tư:

- Giai đoạn 2011-2015: 116.382 triệu đồng.
- Giai đoạn 2016-2020: 69.563 triệu đồng.

c) Phân theo nội dung đầu tư:

- Xây dựng cơ bản: 83.113 triệu đồng.
- Mua sắm thiết bị đào tạo: 59.412 triệu đồng.
- Khác: 43.420 triệu đồng.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, MỘT SỐ HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá kết quả

a) Mạng lưới cơ sở GDNN phát triển đa dạng về loại hình, trình độ đào tạo và mô hình hoạt động; đã quy hoạch mạng lưới trường nghề chất lượng cao và các nghề trọng điểm quốc gia, khu vực, quốc tế theo từng cơ sở GDNN, địa phương và trình độ đào tạo; hình thành và phát triển được một số cơ sở đặc thù để đào tạo cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và trường đào tạo các ngành năng khiếu (văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao).

b) Chất lượng và hiệu quả đào tạo GDNN có bước chuyển biến tích cực. Đào tạo từng bước chuyển từ hướng cung sang hướng cầu, gắn với nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và thị trường lao động.

c) Đã tổ chức đào tạo sơ cấp, trung cấp, cao đẳng theo hình thức niên chế hoặc mô đun; phương pháp dạy và học từng bước được đổi mới theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực, độc lập, tăng thời gian tự rèn luyện tay nghề và làm việc theo nhóm của học sinh, sinh viên; các doanh nghiệp đã bắt đầu tham gia trong công tác kiểm tra, thi đánh giá như xây dựng ngân hàng đề thi, tham gia hội đồng thi. Việc tổ chức đào tạo đã dần chuyển sang đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ theo Luật Giáo dục nghề nghiệp.

d) Đội ngũ nhà giáo đã phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, từng bước khắc phục được tình trạng bất hợp lý về cơ cấu ngành nghề của nhà giáo; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề, trình độ tin học, ngoại ngữ của nhà giáo được cải thiện và từng bước được chuẩn hóa; đội ngũ cán bộ quản lý của các cơ sở GDNN tăng nhanh và từng bước được đào tạo để đạt chuẩn.

đ) Công tác triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển GDNN từng bước đi vào nề nếp. Nhận thức, trách nhiệm của các ngành, các cấp và toàn xã hội đã có những chuyển biến tích cực, dành sự quan tâm nhiều hơn đến công tác GDNN.

e) Các điều kiện đảm bảo chất lượng GDNN như: cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN, nội dung chương trình đào tạo và trang thiết bị dạy nghề từng bước được tăng cường.

2. Hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế:

- Nhận thức về GDNN có chuyển biến nhưng vẫn còn nhiều hạn chế; công tác tuyển sinh học nghề vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt trong tuyển sinh trình độ cao đẳng và trung cấp; một số nghề trọng điểm quốc gia, khu vực và quốc tế có số lượng tuyển sinh còn hạn chế.

- Quy mô tuyển sinh giai đoạn 2011-2020 tuy đạt mục tiêu đề ra nhưng cơ cấu tuyển sinh GDNN còn bất cập, chủ yếu vẫn là trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng (chiếm trên 75%). Tình trạng mất cân đối trong cơ cấu ngành nghề đào tạo, giữa các địa phương chậm được khắc phục, chưa đáp ứng được nhu cầu nhân lực của xã hội; tuyển sinh GDNN khó khăn, đặc biệt ở những ngành, nghề nặng nhọc độc hại, ngành nghề năng khiếu. Triển khai đào tạo nghề chất lượng cao (phát triển nghề trọng điểm, trường nghề chất lượng cao và thí điểm đào tạo nghề cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN theo chương trình chuyển giao từ nước ngoài...) còn chậm.

- Công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông theo Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XI), Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 và Quyết định 1882/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch Giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 chưa đạt các chỉ tiêu đề ra; tỷ lệ học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia học nghề có tăng nhưng vẫn còn quá thấp so với chỉ tiêu.

- Chương trình, giáo trình đào tạo còn nhiều nội dung mang tính hình thức, chưa được thường xuyên cập nhật, bổ sung, sự kết hợp với các doanh nghiệp, người sử dụng lao động trong xây dựng, biên soạn chương trình, giáo trình chưa chặt chẽ; cách tiếp cận phương pháp dạy và học theo hướng tích cực, lấy người học làm trung tâm, chú trọng đến năng lực thực hiện chưa triển khai hiệu quả; các nội dung giảng dạy kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp trong chương trình đào tạo chưa được chú trọng; công tác đổi mới hình thức thi, kiểm tra, đánh giá học sinh, sinh viên còn chậm; chưa tổ chức đào tạo theo tín chỉ tại các cơ sở dạy nghề và đào tạo theo mô đun tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

- Cơ sở vật chất, thiết bị của một số cơ sở GDNN chưa đồng bộ do chưa ban hành đầy đủ bộ danh mục thiết bị tối thiểu các cấp trình độ; chưa xây dựng được bộ tiêu chuẩn thiết kế trường nghề theo các trình độ đào tạo và tiêu chuẩn về cơ sở vật chất của từng ngành, nghề và trình độ đào tạo; chưa xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo trong đào tạo của từng ngành, nghề và trình độ đào tạo để làm căn cứ tính đúng, tính đủ chi phí trong đào tạo. Cơ sở hạ tầng cho giáo dục thể chất chưa được chú trọng đầu tư.

- Chưa có sự gắn kết, phối hợp, chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi một cách có hiệu quả giữa các cơ sở GDNN với các doanh nghiệp, người sử dụng lao động trong đào tạo nghề. Đồng thời, các bên tham gia vì nhiều lý do khác nhau chưa thấy hết sự cần thiết và ích lợi để sẵn sàng cho hoạt động liên kết này. Số doanh nghiệp tham gia các hoạt động GDNN chưa nhiều; số lao động được doanh nghiệp hợp đồng đào tạo với cơ sở GDNN, lao động được doanh nghiệp tự đào tạo, truyền nghề, kèm nghề còn hạn chế.

- Công tác xã hội hoá trong GDNN còn hạn chế (chỉ có 3 trường ngoài công lập, chiếm tỷ lệ 7,78% trong tổng số cơ sở đào tạo). Nguồn lực đầu tư, năng lực đào tạo hạn chế cả về cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề và đội ngũ cán bộ, giáo viên với quy mô đào tạo chỉ chiếm 6,1% tổng quy mô tuyển sinh của cả hệ thống.

b) Nguyên nhân:

- Nhận thức của nhiều cấp uỷ, chính quyền, cơ sở GDNN, doanh nghiệp và cộng đồng về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của GDNN, đào tạo nhân lực có tay nghề cao chưa đầy đủ, thiếu thống nhất; tư tưởng coi trọng bằng cấp còn phổ biến. Công tác tuyên truyền, tư vấn và hướng nghiệp còn nhiều hạn chế, chưa làm cho xã hội, nhất là học sinh tốt nghiệp THPT, THCS, thanh niên nhận thức rõ vào đại học không phải là con đường duy nhất đảm bảo cuộc sống.

- Nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho các cơ sở GDNN công lập còn hạn chế, chủ yếu còn phụ thuộc vào nguồn vốn trung ương từ Chương trình mục tiêu quốc gia, do vậy việc đầu tư thiếu đồng bộ, hiệu quả chưa cao; chưa có giải pháp đẩy mạnh xã hội hoá trong hoạt động đào tạo nguồn nhân lực; ngân sách nhà nước và các nguồn thu khác của các đơn vị phục vụ hoạt động đào tạo còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra.

- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp lắp ráp và gia công sản phẩm nên việc trả lương cho người lao động không theo bằng cấp chuyên môn, phần lớn tuyển dụng lao động phổ thông; vì vậy tâm lý của người lao động ngại tham gia các lớp đào tạo dài hạn (cao đẳng, trung cấp).

- Tính chủ động, năng động, linh hoạt trong việc tổ chức hoạt động dạy nghề của nhiều cơ sở GDNN chưa cao; ngành nghề đào tạo chưa phong phú, đa dạng; vì vậy nhiều cơ sở GDNN chưa có sức hấp dẫn để thu hút học sinh vào học nghề.

3. Bài học kinh nghiệm

a) Đổi mới GDNN phải xuất phát từ yêu cầu của thị trường lao động, thực tiễn kinh tế - xã hội, thực tiễn các vùng, miền và nhu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới để xác định những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình phù hợp.

b) Quá trình phát triển GDNN phải đặc biệt coi trọng chất lượng, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng, giữa đào tạo đại trà, diện rộng và đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao.

c) Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển GDNN, tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, người sử dụng lao động trong phát triển GDNN. Kinh nghiệm cho thấy, một trong những giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo là phải gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp và phải có cơ cở pháp lý cho sự gắn kết này.

d) Quá trình phát triển GDNN phải bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ, hiệu quả giữa tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, phải là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị.

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 8h/2010/NQCĐ-HĐND ngày 02/6/2010 của HĐND tỉnh về "Phát triển dạy nghề tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2011 – 2020" và Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 19/7/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Phát triển dạy nghề tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2011 – 2020 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:
- Bộ LĐ-TBXH (b/c);
- Tổng cục GDNN (b/c);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, tx và tp Huế;
- Các cơ sở GDNN;
- CVP, PCVP KGVX;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình